SAO Y; Hội đồng nhân dân tỉnh; Thời gian ký: 20/12/2021 19:12:10 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 18 /2021/NQ-HĐND	*Long An, ngày 09 tháng 12 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định về một số chế độ, định mức chi đảm bảo điều kiện hoạt động của Đoàn Đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội tỉnh Long An

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 353/2017/UBTVQH14 ngày 17 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định bổ sung một số chế độ và điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 1004/2020/UBTVQH14 ngày ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập và quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

Thực hiện Hướng dẫn số 2106/HD-VPQH ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Văn phòng Quốc hội về việc quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố và một số nội dung liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết số 1004/2020/UBTVQH14;

Xét Tờ trình số 3683/TTr-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ, định mức chi đảm bảo điều kiện hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội tỉnh Long An; Báo cáo thẩm tra số 821/BC-HĐND ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về một số chế độ, định mức chi đảm bảo điều kiện hoạt động của Đoàn Đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội tỉnh Long An *(đính kèm Quy định)*.

Những nội dung chi không được thể hiện trong Nghị quyết này thì được áp dụng chi theo quy định tại Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20/9/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Quốc hội; Nghị quyết số 353/2017/UBTVQH14 ngày 17/4/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định bổ sung một số chế độ và điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Quốc hội, Nghị quyết số 555/NQ-UBTVQH13 ngày 28/12/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thực hiện phụ cấp công tác đại biểu Quốc hội chuyên trách, Công văn số 472/QĐ-VPQH ngày 20/3/2017 về chế độ khoán chi họp đối với đại biểu Quốc hội chuyên trách; Hướng dẫn số 2106/HD-VPQH ngày 07/12/2020 của Văn phòng Quốc hội về việc quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố và một số nội dung liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết số 1004/2020/UBTVQH14 và các văn bản có liên quan.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Long An khóa X, kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 12 năm 2021.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định một số chế độ, định mức chi đảm bảo điều kiện hoạt động của Đoàn Đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội tỉnh Long An./.

Nơi nhận:
- UB Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP. QH, VP. CP (TP.HCM) (b/c);
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH (b/c);
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- UBND tỉnh; UBMTTQ VN tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT, (TrT).(13)

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Nguyễn Văn Được

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về một số chế độ, định mức chi đảm bảo điều kiện hoạt động của Đoàn Đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội tỉnh Long An

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18 /2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Nghị quyết này quy định về chế độ, định mức chi đối với Đại biểu Quốc hội, cán bộ, công chức, người lao động phục vụ đảm bảo điều kiện hoạt động Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Long An.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

Chế độ đối với Đại biểu Quốc hội, cán bộ công chức, người lao động phục vụ hoạt động Đoàn Đại biểu Quốc hội chi từ nguồn dự toán được giao hàng năm của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội (Đoàn ĐBQH) và Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh theo phân cấp ngân sách.

Điều 3. Nội dung và định mức chi

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi tối đa
1	**Chi may trang phục**		
	Cán bộ, công chức (CBCC), người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND phục vụ hoạt động của Đoàn ĐBQH	Đồng/người/ nhiệm kỳ	5.000.000
2	**Khoán kinh phí cho phục vụ hoạt động Đoàn ĐBQH**		
a	Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND, chuyên viên cao cấp và tương đương	Người/tháng	3.500.000
b	Lãnh đạo phòng, chuyên viên chính và tương đương	Người/tháng	2.800.000
c	Chuyên viên và tương đương	Người/tháng	2.000.000
3	**Chi hỗ trợ xây dựng luật đối với cán bộ, công chức Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND phục vụ cho hoạt động của Đoàn ĐBQH**		
a	Chánh Văn phòng, Phó chánh Văn phòng, chuyên viên cao cấp và tương đương	Đồng/người/ năm	12.000.000
b	Lãnh đạo phòng, chuyên viên chính và tương đương	Đồng/người/ năm	10.000.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi tối đa
c	Chuyên viên và tương đương	Đồng/người/ năm	7.500.000
4	**Chi cho các cuộc họp của Đoàn ĐBQH với các ngành liên quan ngoài các cuộc họp quy định tại Hướng dẫn số 2106/HĐ-VPQH ngày 07/12/2020**		
a	Người chủ trì cuộc họp	Đồng/người/ buổi	200.000
b	Các thành viên dự họp, phóng viên, đài báo	Đồng/người/ buổi	100.000
c	Cán bộ công chức, nhân viên phục vụ	Đồng/người/ buổi	80.000
5	**Chế độ tặng quà lưu niệm đối với cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh (trực tiếp phục vụ các hoạt động của Đoàn ĐBQH) khi kết thúc nhiệm kỳ, nghỉ hưu, chuyển công tác khác**		
a	Đối với cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh trực tiếp phục vụ các hoạt động của Đoàn ĐBQH được tặng quà lưu niệm khi kết thúc nhiệm kỳ (*mức chi theo chế độ chi tổng kết nhiệm kỳ)*	Đồng/người	1.500.000
b	Cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh trực tiếp phục vụ các hoạt động của Đoàn ĐBQH khi nghỉ hưu, chuyển công tác sang cơ quan khác được tặng quà lưu niệm	Đồng/người	1.500.000
6	**Chế độ thăm hỏi, trợ cấp đối với cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh (trực tiếp phục vụ các hoạt động của Đoàn ĐBQH)**		
a	Cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND đương nhiệm, nghỉ hưu phục vụ các hoạt động của Đoàn ĐBQH khi ốm, đau	Đồng/người/ lần	1.000.000
b	Cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng), vợ, chồng cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND từ trần	Đồng/người/ tang lễ	2.000.000
c	Cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND khi từ trần gia đình được trợ cấp	Đồng/người	2.000.000
d	Trợ cấp đối với cán bộ, công chức, người lao động khi bị bệnh hiểm nghèo, khó khăn đột xuất, thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn (Trưởng Đoàn ĐBQH quyết định mức trợ cấp không vượt quá mức chi tối đa).	Đồng/người/ lần	5.000.000

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ vào các chế độ, định mức chi tiêu hiện hành của nhà nước và quy định về chế độ chi tiêu tài chính tại Quy định này, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm triển khai thực hiện.

2. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Được